

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **73/2021/DS-ST**
Ngày: 31/3/2021.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Minh Chánh.
2. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-DS ngày 25/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/QĐST-DS ngày 15/3/2021 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** **Ngân hàng TMCP K**, địa chỉ trụ sở: số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Công P1, sinh năm 1983, chức vụ Tổ phó tín dụng Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh An Giang – PGD CĐ, địa chỉ liên lạc: số 26, đường Phan Văn Vàng, phường P B, thành phố CĐ, tỉnh An Giang. (Ông P1 có mặt)

2. ***Bị đơn:*** Ông **Lê Từ Th**, sinh năm 1978 và bà **Nguyễn Thị Mỹ D**, sinh năm 1983, cùng địa chỉ cư trú: ấp Vĩnh Hưng, xã S (nay là thị trấn S), huyện P, tỉnh An Giang. (Ông Th, bà D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K – ông Đinh Công P1 trình bày như sau:

Ngày 07/4/2018, Ngân hàng thương mại cổ phần K (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Lê Từ Th, bà Nguyễn Thị Mỹ D có ký Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số LC-A 478521/HĐTD-CC (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng), Khế ước nhận nợ ngày

09/4/2018 để vay số tiền 40.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay là để buôn bán nhỏ (tiểu thương), thời hạn vay 180 ngày, lãi suất cho vay 14,94%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Hình thức trả là trả góp gốc, lãi theo định kỳ hàng ngày kể từ ngày 10/4/2018 đến ngày 06/10/2018, số tiền mỗi ngày là 238.593 đồng, ngày cuối trả là 238.993 đồng. Tài sản cầm cố tài sản bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay là: Chiếc xe mô tô hiệu Honda SH 125, biển kiểm soát 67D1 – 290.29 theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 040729 cấp ngày 27/6/2017. Tuy nhiên, Ngân hàng chỉ giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe, còn chiếc xe do bị đơn giữ theo Biên bản thỏa thuận gửi giữ tài sản ngày 09/4/2018.

Quá trình vay, tính đến ngày 12/5/2020, bị đơn chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền nợ vốn là 11.407.407 đồng và tiền nợ lãi trong hạn là 1.260.690 đồng thì ngưng trả đến nay, còn nợ lại số tiền vốn 28.592.593 đồng và tiền lãi phát sinh. Khi đến hạn, đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán được số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng nên toàn bộ số tiền nợ còn lại chuyển sang nợ quá hạn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ vốn, lãi còn lại tính đến ngày 12/5/2020, tổng cộng là 42.356.858 đồng, trong đó tiền nợ vốn là 28.592.593 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.686.378 đồng, nợ lãi quá hạn là 12.077.887 đồng và yêu cầu trả lãi phát sinh sau ngày 12/5/2020 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả dứt nợ. Đồng thời yêu cầu duy trì phần cầm cố tài sản trong Hợp đồng tín dụng để đảm bảo cho việc thi hành án.

Ngày 16/11/2020, Ngân hàng có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu phát mãi tài sản đã cầm cố để thu hồi nợ, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vốn, lãi còn lại và trả lãi phát sinh trên số tiền dư nợ gốc cho đến khi trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Từ Th và bà Nguyễn Thị Mỹ D vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tòa án đã tiến hành xác minh thì được biết ông Th, bà D vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Vĩnh Hưng, xã S, huyện P, tỉnh An Giang nhưng đi làm xa, không có mặt ở nhà, thường đi đi về về nên không tiến hành ghi nhận ý kiến của ông, bà nên tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông P1 trình bày: Ngân hàng yêu cầu ông Th, bà D cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ còn lại tính đến ngày 31/3/2021 là 48.027.145 đồng, trong đó tiền nợ vốn là 28.592.593 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.686.378 đồng, tiền lãi quá hạn là 17.748.174 đồng và yêu cầu bị đơn trả lãi phát sinh kể từ ngày 01/4/2021 theo mức lãi suất trên số tiền dư nợ gốc đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ. Ngân hàng không yêu cầu xem xét hợp đồng gửi giữ tài sản và xin rút lại yêu cầu phát mãi tài sản cầm cố, không yêu cầu duy trì phần cầm cố tài sản bảo đảm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số LC-A 478521/HĐTD-CC ngày 07/4/2018.

Về án phí sơ thẩm: đề nghị buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông Th, bà D vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến về trình tự, thủ tục tố tụng trong vụ án và nêu quan điểm giải quyết vụ án:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Riêng về việc gửi Thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát trễ hạn và để vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử so với quy định, cần rút kinh nghiệm. Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số LC-A 478521/HĐTD-CC ngày 07/4/2018 giữa Ngân hàng K với ông Th, bà D được ký kết trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 116, 385, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vốn, lãi còn lại tính đến ngày 31/3/2021 tổng cộng là 48.027.145 đồng và trả lãi phát sinh kể từ ngày 01/4/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu duy trì phần cầm cố tài sản trong Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số LC-A 478521/HĐTD-CC ngày 07/4/2018, không yêu cầu phát mãi tài sản đã cầm cố để thu hồi nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu đã rút.

Về án phí sơ thẩm: Đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng dân sự – hợp đồng tín dụng; bị đơn ông Lê Từ Th, bà Nguyễn Thị Mỹ D có địa chỉ cư trú tại ấp Vĩnh Hưng, xã S (nay là thị trấn S), huyện P, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông Th, bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét thấy, căn cứ vào hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số LC-A 478521/HĐTD-CC ngày 07/4/2018 giữa Ngân hàng K với ông Th, bà D xác định các bên ký kết hợp đồng đều trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, nội dung và hình thức không vi phạm điều pháp luật cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 116, 117, 119, 463 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 16 Điều 4, Điều 90, Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong hợp đồng.

Khi vay, các bên thỏa thuận thời hạn vay 180 ngày, hình thức trả là trả góp vốn, lãi mỗi ngày kể từ ngày 10/4/2018 đến ngày 06/10/2018. Tuy nhiên, kể từ khi vay bị đơn chỉ trả được số tiền vốn 11.407.407 đồng và tiền lãi trong hạn là 1.260.690 đồng rồi ngưng trả đến nay. Tính đến ngày 31/3/2021, tổng số tiền nợ là 48.027.145 đồng, trong đó tiền nợ vốn 28.592.593 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 1.686.378 đồng, tiền nợ lãi quá hạn 17.748.174 đồng.

Bị đơn ông Th, bà D mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông bà vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến nên xem như ông bà đã tự từ bỏ quyền lợi của mình.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 2, Điều 4 của Hợp đồng tín dụng, đã nhiều lần nguyên đơn nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nên số tiền nợ còn lại của bị đơn đã chuyển sang nợ quá hạn. Do đó, căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Th, bà D cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vốn, lãi còn lại tính đến ngày 31/3/2021 là 48.027.145 đồng và trả lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 01/4/2021 cho đến khi trả hết số tiền nợ.

[2.2] Để đảm bảo khoản vay, bị đơn đã thỏa thuận với nguyên đơn về việc cầm cố tài sản để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số LC-A 478521/HĐTD-CC ngày 07/4/2018, theo đó tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô hiệu Honda SH 125, biển kiểm soát 67D1 – 290.29 theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 040729 cấp ngày 27/6/2017. Hiện chiếc xe do bị đơn quản lý theo Biên bản thỏa thuận gửi giữ tài sản ngày 09/4/2018. Còn giấy chứng nhận đăng ký xe bản chính do nguyên đơn đang giữ. Xét thấy nguyên đơn không có yêu cầu giải quyết về việc gửi giữ tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu duy trì phần cầm cố tài sản bảo đảm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số LC-A 478521/HĐTD-CC ngày 07/4/2018 để đảm bảo thi hành án. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút là phù hợp.

[2.3] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.059.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: TU/2019/0003501 ngày 01/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Bị đơn ông Th, bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.401.357 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K về việc yêu cầu duy trì phân cầm cố tài sản bảo đảm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố tài sản số LC-A 478521/HĐTD-CC ngày 07/4/2018 để đảm bảo thi hành án.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với bị đơn ông Lê Từ Th và bà Nguyễn Thị Mỹ D.

- Buộc ông Lê Từ Th và bà Nguyễn Thị Mỹ D có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K tổng số tiền vốn, lãi tính đến ngày 31/3/2021 là 48.027.145 đồng (Bốn mươi tám triệu không trăm hai mươi bảy ngàn một trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 28.592.593 đồng, số tiền lãi trong hạn là 1.686.378 đồng, số tiền lãi quá hạn là 17.748.174 đồng.

- Buộc ông Lê Từ Th và bà Nguyễn Thị Mỹ D còn có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc (tiền nợ vốn) theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố tài sản số LC-A 478521/HĐTD-CC ngày 07/4/2018 kể từ ngày 01/4/2021 cho đến khi trả xong hết số tiền nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Lê Từ Th, bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 2.401.357 đồng (Hai triệu bốn trăm lẻ một ngàn ba trăm năm mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.059.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi chín ngàn đồng) mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: TU/2019/0003501 ngày 01/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND HCP;
- Tòa án tỉnh An Giang;
- Thi hành án DS HCP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái Dương Thùy Dung